

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2023/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 21 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 9 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá

đất; Xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; Định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 11/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ 05 năm (2020-2024);

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày ngày 14 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ 05 năm (2020 - 2024);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể áp dụng trong các trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

b) Hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Quyết định này tương ứng với giá từng loại đất quy định trong Bảng giá các loại đất 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Phú Thọ tại Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm

2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ và Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ điều chỉnh, bổ sung Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ 05 năm (2020 - 2024) kèm theo Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai, cơ quan có chức năng xác định giá đất cụ thể.

b) Tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính (đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên), đơn vị vũ trang nhân dân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư tại nước ngoài, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất thuộc trường hợp phải nộp tiền sử dụng đất; cho thuê đất, thuê mặt nước thuộc trường hợp phải nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước.

c) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024

a) Đất nông nghiệp: 1,0 lần.

b) Đất phi nông nghiệp, quy định theo biểu sau:

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)	Ghi chú
1	Đất ở (Nông thôn, đô thị)	Chi tiết tại Phụ lục kèm theo	Gồm có 54 vị trí $K > 1,0$ lần; các vị trí đất còn lại $K = 1,0$ lần so với Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 28/12/2019 và Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ
2	Đất thương mại, dịch vụ (Nông thôn, đô thị)	1,0	
3	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ (Nông thôn, đô thị)	1,0	
4	Đất các khu, cụm công nghiệp	1,0	
5	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm (đất sông, suối để khai thác cát, sỏi)	1,0	
6	Các loại đất khác	1,0	

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh và các cơ quan liên quan tổ chức triển khai, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện xác định và thu nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các huyện, thành thị phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 và thay thế Quyết định số 44/2022/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, thủ trưởng các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TT: TU, HĐND, MTTQ tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành, thị;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- TT Công báo - Tin học;
- CV NCTH;
- Lưu: VT, TN2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Trọng Tấn

PHỤ LỤC
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ
(Kèm theo Quyết định số: 28/2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

TT tại Bảng giá đất	Vị trí tại Bảng giá đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)	Ghi chú
	TỔNG SỐ	54 vị trí	
	THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ	Tổng 08 vị trí	
A	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN		
II	XÃ TRUNG VƯƠNG		
4	Đường Mai An Tiêm đoạn từ Trụ sở Liên đoàn lao động tỉnh đến hết nhà bà Nhiên xóm Mộ	1,1	
III	XÃ THỤY VÂN		
2	Đất hai bên đường liên thôn; Khu tái định cư:		
2.2	Đất hai bên đường liên thôn	1,1	
IV	XÃ PHƯỢNG LÂU		
2	Đường Trần Toại (từ đê Sông Lô đi Xí nghiệp rác thải cũ)	1,1	
VI	XÃ CHU HÓA		
5	Đất các khu vực còn lại		
5.1	Các khu tương đối thuận lợi giao thông	1,1	
B	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ		
I	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CHÍNH		
5	Đường Quang Trung (đường Hòa Phong cũ)		
5.1	Đoạn từ nút A9 (điểm giao nhau giữa đường Hùng Vương với Hòa Phong cũ) đến nút C9 (điểm giao nhau giữa đường Nguyễn Tất Thành với đường Hòa Phong cũ)	1,2	
18	Phố Hàn Thuyên (Đường Tân Bình cũ)		
18.1	Từ tiếp giáp đường Trần Phú đến đường Châu Phong	1,2	
IX	PHƯỜNG TÂN DÂN		
1.4	Phố Đặng Minh Khiêm, phố Văn Cao, phố Đỗ Nhuận, phố Tân Đà	1,2	
X	PHƯỜNG DŨU LÂU		
19	Đông Cửa Rừng	1,2	
	THỊ XÃ PHÚ THỌ	Tổng 09 vị trí	
A	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN		
III	XÃ HÀ LỘC		
1	Đường tỉnh 315B		

1.1	Đất hai bên mặt tiền từ Cầu Dóc đến hết địa phận xã Hà Lộc	1,3	
4	Đường ĐH4		
4.1	Đất hai bên mặt tiền đoạn từ giao với ĐT 315B đến cầu Đát - khu 10 nay điều chỉnh lại là Đất hai bên mặt tiền đoạn từ giao với ĐT 315B đến cầu Đát - khu 6	1,1	
4.2	Đất hai bên mặt tiền từ giáp cầu Đát khu 10 đến hạ tầng kỹ thuật đường Hùng Vương (Đường 35m)	1,1	
4.3	Đất hai bên mặt tiền từ sau khu hạ tầng kỹ thuật đường Hùng Vương đến giao đường ĐH4 kéo dài	1,1	
5	Đường Hùng Vương, đoạn qua xã Hà Lộc		
5.1	Đất hai bên mặt tiền đường Hùng Vương	1,3	
5.3	Băng còn lại (Theo Quy hoạch chi tiết Hạ tầng kỹ thuật 2 bên đường 35 m)	1,3	
V	XÃ THANH MINH		
5	Đất các tuyến đường khác		
5.5	Đất ven theo các tuyến đường ngõ khu vực Hạ Mạo Thanh Minh	1,2	
C	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ		
IV	PHƯỜNG PHONG CHÂU		
9	Đường Hùng Vương (Quốc lộ 2D)		
9.2	Đất hai bên mặt tiền khu gò Sỏi phía Nam ga Phú thọ	1,3	
11	Đường Phú Lợi		
11.2	Đất khu dân cư còn lại đường Phú Lợi	1,3	
	HUYỆN THANH THỦY	Tổng 05 vị trí	
A	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN		
V	XÃ BẢO YÊN		
7	Đất khu vực vùng nước khoáng nóng xã Bảo Yên		
7.1	Các trục đường rộng ≥ 5 m	1,8	
8	Đất thuộc khu quy hoạch khu dân cư mới (khu vực đất bãi)		
8.1	Các trục đường rộng ≥ 5 m	1,5	
9	Đất khu vực khác		
9.1	Đất khu dân cư còn lại (có đường bê tông) chiều rộng đường ≥ 5 m	1,5	
IX	XÃ ĐỒNG TRUNG		
1	Đường tỉnh 317		
1.1	Đất hai bên đường từ giáp xã Đoan Hạ đến đầu cầu Đồng Quang		

	Trong đó, Đất hai bên đường từ Nhà văn hóa khu 12 đến đầu cầu Đồng Quang	2,0	
B	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ		
I	THỊ TRẤN THANH THỦY		
2	Đường tỉnh 317		
2.2	Đất hai bên đường từ giáp đất Trung tâm Văn hóa thể thao và du lịch huyện Thanh Thủy đến nhà ông Vận Ngọc, giáp xã Bảo Yên (hết địa phận xã thị trấn Thanh Thủy)	1,5	
	HUYỆN TÂN SƠN	Tổng 06 vị trí	
II	XÃ THẠCH KIỆT		
5	Đất hai ven đường khu trung tâm Cường Thịnh 1 + Cường Thịnh 2: Đoạn đường từ nhà ông Nhâm Thức đến giáp Đền Cửa Thánh	1,1	
7	Đất hai ven đường giao thông nông thôn khu Dục Dàn đoạn đường từ nhà ông Đón khu Dàn đến hết nhà ông Khoa Khu Dục	1,1	
IX	XÃ KIM THƯỢNG		
2	Đất hai ven đường đoạn từ giáp xóm Chiềng đi xóm Nhàng	1,1	
XI	XÃ LONG CỐC		
4	Đất hai ven đường từ nhà ông Hà Si xóm Mãng 2 đến nhà ông Khanh Túc xóm Cạn và ngã ba xóm Cạn rẽ đi xóm Vai xã Tam Thanh	1,1	
XII	XÃ TAM THANH		
4	Đất hai ven đường từ cầu bến dự xóm Giát đến giáp xã Long Cốc	1,1	
6	Đoạn từ đội 6 xóm Vảo đến đội Đình xóm Chiêu	1,1	
	HUYỆN THANH BA	Tổng 03 vị trí	
IV	XÃ ĐÔNG THÀNH		
1	Đất 2 bên đường tỉnh 320C Ninh Dân - Thanh Vinh (TX. Phú Thọ) đoạn từ đường rẽ đi mỏ sét (Xi măng Sông Thao) đến giáp Trường THCS Đông Thành	1,1	
2	Đoạn từ Trường THCS Đông Thành đến hết nhà văn hóa khu 13, xã Đông Thành	1,1	
8	Đất hai bên đường từ ĐT 320C xã Đông Thành đến giáp ranh xã Sơn Cương (đường vào cụm công nghiệp Bãi Ba)	1,1	
	HUYỆN CẨM KHÊ	Tổng 06 vị trí	
A	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN		
VII	XÃ TAM SƠN		

1	Đất hai bên đường tỉnh 321C từ xã Phương Xá đi Lương Sơn nay điều chỉnh lại là: Đất hai bên đường tỉnh 321C từ xã Minh Tân đi Lương Sơn		
1.2	Các vị trí còn lại dọc theo tuyến	1,7	
XI	XÃ CẤP DẪN		
1	Đất hai bên đường huyện Hương Lung - Văn Bán (ĐT 313B cũ) từ ngã 3 xã Hương Lung đi Văn Bán		
1.1	Đoạn thuộc địa bàn xã Cấp Dẫn	1,5	
XIII	XÃ HƯƠNG LUNG		
1.3	Đất hai bên đường ĐT.313C thuộc địa bàn xã Hương Lung:		
-	Đoạn từ Xã Tạ Xá đến trung tâm xã đến ngã ba đường 313 (TT Sông Thao đi Yên Lập) thuộc địa bàn xã Hương Lung nay điều chỉnh lại là Đoạn từ xã Tạ Xá đến trung tâm xã đến ngã ba đường 313 (TT Cẩm Khê đi Yên Lập) thuộc địa bàn xã Hương Lung	1,1	
XV	XÃ PHÚ KHÊ		
2	Đất hai bên đường tỉnh 313		
2.1	Đất hai bên đường tỉnh 313 thuộc địa bàn xã Phú Khê	1,1	
B	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ (THỊ TRẤN CẨM KHÊ)		
V	Đất hai bên đường vành đai phía đông thị trấn Sông Thao nay điều chỉnh lại là: Đất hai bên đường vành đai phía đông thị trấn Cẩm Khê		
1	Đoạn hai đầu đường vành đai tiếp giáp QL 32C và ngã tư đường vành đai, đường đi bên đò Chí Chủ; Đoạn từ nhà ông Kê + ông Thành đến hết nhà ông Đích Bẩy. Đoạn từ ngã ba bà Nga Bám đến hết nhà ông Sướng Tý nay điều chỉnh lại là Đoạn 2 đầu đường vành đai và ngã tư đường vành đai, đường đi bên đò Chí Chủ; Đoạn từ nhà ông Kê + ông Thành đến hết nhà ông Đích Bẩy; Đoạn từ ngã ba bà Nga Bám đến hết nhà ông Sướng Tý	1,1	
2	Đoạn từ sau nhà Đích Bẩy đến hết ao Thân; Đoạn từ sau nhà ông Sướng Tý đến giáp cửa hàng Xăng dầu	1,1	
	HUYỆN PHÙ NINH	Tổng 01 vị trí	
I	THỊ TRẤN PHONG CHÂU		
23	Đất còn lại của các ngõ ở xa trung tâm thị trấn và các đường còn lại thuộc các khu 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 rừng mận, núi voi , nam tiến (chỉ áp dụng đối với	1,1	

	các tuyến đường được nâng cấp, cải tạo trong năm 2023)		
	HUYỆN HẠ HÒA	Tổng 15 vị trí	
A	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN		
IV	XÃ ĐAN THƯỢNG		
1	Quốc lộ 2D		
1.8	Đất 2 bên đường liên xã từ nhà bà Hòa khu 3 đến hết địa phận xã Đan Thượng	1,20	
4	Quốc lộ 2D (Xã Hậu Bông cũ)		
4.4	Đất 2 bên đường từ nhà Bà Mùi khu 11 (đê 15) đến nhà ông Thêm khu 9 (Ngã 3 đê)	1,20	
4.7	Đất 2 bên đường liên thôn xóm xã Hậu Bông cũ; Đất 2 bên đường liên thôn xóm xã Liên Phương cũ; Đất 2 bên đường liên thôn xóm xã Đan Hà cũ;	1,20	
V	XÃ GIA ĐIỀN		
2	Đất 2 bên đường liên xã còn lại	1,1	
3	Đất 2 bên đường liên thôn xóm	1,1	
XI	MINH HẠC		
2	Đất 2 bên đường Quốc lộ 2D từ giáp Bưu điện Văn hóa đến hết địa phận xã Minh Hạc (giáp khu 1 xã Lang Sơn)	1,25	
5	Đất 2 bên đường liên thôn xóm	1,17	
XII	XÃ PHƯƠNG VIÊN		
10	Đất 2 bên đường liên thôn xóm	1,1	
XIII	XÃ VĂN LANG		
6	Đất 2 bên đường liên thôn từ UBND xã đi khu 1	1,1	
13	Đất khu vực còn lại	1,1	
XIV	XÃ VĨNH CHÂN		
13	Đất 2 bên đường liên thôn xóm gộp từ 02 đoạn: Đất 2 bên đường liên thôn xóm xã Vĩnh Chân; Đất 2 bên đường liên thôn xóm xã Mai Tùng cũ	1,33	
XV	XÃ VÔ TRANH		
9	Đất 2 bên đường liên thôn xóm	1,17	
XVI	XÃ XUÂN ÁNG		
3	Đất 2 bên đường huyện từ giáp Ngân Hàng Nông nghiệp chi nhánh Xuân Áng đến hết ngã ba đường sang xóm ông Bách khu 10 xã Xuân Áng	1,16	

XIX	XÃ YÊN LUẬT		
6	Đất 2 bên đường liên thôn, xóm	1,1	
B	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ		
I	THỊ TRẤN HẠ HÒA		
15	Các tuyến còn lại		
15.1	Các tuyến đường nội thị còn lại và giao thông liên thôn, xóm gộp từ các đoạn: Đất 2 bên đường quy hoạch từ giáp QL 2D đến nhà bà Tiến Cần; Đất 2 bên đường bê tông từ nhà bà Tâm Kính đến giáp đường tỉnh 320 (Nhà ông Tấn Sùng); Đất 2 bên đường đi Đập Bờ Dài từ nhà ông Kiểm đến Đập Bờ Dài (Ao Châu); Đất 2 bên đường trước cửa Nhà bia từ nhà ông Hoan Ba đến nhà ông Mậu; Đất hai bên đường bê tông song song với đường sắt từ nhà ông Việt đến giáp đường rẽ ra nhà ông Thụy; Đất 2 bên đường từ Viện Kiểm sát, Toà án đến chợ Âm Thượng; Đất hai bên đường bê tông song song với đường sắt từ nhà ông Việt đến giáp đường rẽ ra nhà ông Thụy; Đất 2 bên đường bê tông từ nhà bà Nhiên đến hết nhà bà Thanh (Khu 8); Đất hai bên đường từ giáp nhà ông Tính khu 6 đến hết nhà ông Hải Thanh khu 6, thị trấn Hạ Hòa; Đất hai bên đường bê tông khu 5 từ nhà ông Vinh khu 5 đến giáp nhà ông Hinh; Đất hai bên đường phía sau Huyện ủy Hạ Hòa từ giáp nhà bà Lợi khu 2 đến trường THCS Âm Thượng; Đất hai bên các trục đường còn lại (liên thôn, liên xóm,...), không có trong các trục đường ở trên	1,33	
	HUYỆN THANH SƠN	Tổng 01 vị trí	
XIV	XÃ TẮT THẮNG		
2	Đường Tắt Thắng - Sơn Thủy (ĐT.317D)		
2.1	Đất hai bên đường từ Ngân hàng Tam Thắng đến hộ ông Văn khu 1	1,1	